

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN THỦ ĐỨC  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1211/2020/HNGĐ-ST  
Ngày: 30/11/2020  
V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Ánh Nguyệt

*Các hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Huỳnh Tiến Dũng
2. Bà Nguyễn Thị Lượng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thủ Đức.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Bá Thu Thu – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 805/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2020, về việc “Tranh chấp ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 520/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Anh Đ, sinh năm 1993

Địa chỉ: 52/57 Nguyễn Hữu C, phường Tân Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. (có đơn xin vắng mặt)

**2. Bị đơn:** Ông Tống Hiền S, sinh năm 1988

Địa chỉ: 29/27 đường A, phường Hiệp Bình C, quận Thủ Đ, Thành phố Hồ Chí M. (Vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Anh Đ trình bày: Bà và ông Tống Hiền S tự nguyện kết hôn vào năm 2016, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân phường Tân Định, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi lập gia đình chúng tôi sống tự lập. Cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc vài năm đầu, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã, vợ chồng không có sự chia sẻ, từ đó cuộc sống chung không mang lại hạnh phúc. Ông bà đã ly thân từ cuối năm 2019 cho đến nay, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà xin được ly hôn với ông S.

Về con chung: Có 01 người con chung tên Tống Nhã Anh T, sinh ngày 18/11/2019. Hiện nay bà đang trực tiếp nuôi con, sau khi ly hôn bà Dương cầu nuôi con và tự nguyện không yêu cầu ông S phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Tống Hiền S mặc dù đã được Tòa án tổng đạt, triệu tập các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa hôm nay, bà Nguyễn Thị Anh Đ có đơn xin vắng mặt trong quá trình xét xử vụ án. Ông Tống Hiền S đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn chấp hành pháp luật, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt.

Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình nên căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Ông Tống Hiền S cư trú tại quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Thị Anh Đ có đơn xin vắng mặt trong quá trình xét xử vụ án. Bị đơn ông Tống Hiền S đã được tổng đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt, vì vậy căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung: Bà Nguyễn Thị Anh Đ và ông Tống Hiền S tự nguyện kết hôn và chung sống với nhau theo giấy chứng nhận kết hôn số 138/2016 ngày 05/11/2016 do Ủy ban nhân phường Tân Định, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh cấp, do đó hôn nhân của ông bà là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Ngày 03/8/2020 bà Đ nộp đơn xin ly hôn với ông S. Trong quá trình hòa giải bà Đ kiên quyết xin ly hôn, ông S đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa bà Đ và ông S đã xảy ra mâu thuẫn từ lâu, đến nay đời sống hôn nhân không tồn tại, vợ chồng không còn gắn bó tình cảm yêu thương nhau, không còn trách nhiệm chăm sóc lẫn nhau. Hiện nay ông bà đã sống

ly thân. Ông Tống Hiền S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần đến Tòa để giải quyết vụ án nhưng ông S vắng mặt không có lý do. Điều này cho thấy ông S không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc gia đình, không chú tâm đến các yêu cầu của bà Đvà cũng không có ý thức tôn trọng pháp luật. Bà Đ xác định tình cảm vợ chồng giữa bà và ông S không còn, mục đích hôn nhân hiện nay cũng không đạt được, cuộc sống chung không mang lại hạnh phúc, ông bà cũng đã ly thân và nay bà Đ xin ly hôn, vì vậy căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà Đ về việc xin ly hôn với ông S.

Về con chung: Căn cứ vào lời trình bày của bà Đvà tài liệu có trong hồ sơ có cơ sở xác định bà Đvà ông S có 01 người con chung tên Tống Nhã Anh T, sinh ngày 18/11/2019, hiện bà đang trực tiếp nuôi con. Bà Đ có yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng người con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu nuôi con chung của bà Đ, Hội đồng xét xử xét thấy bà Đ đang trực tiếp nuôi dưỡng người con chung tên Tống Nhã Anh T, sinh ngày 18/11/2019, hiện đang được chăm sóc, được học tập tốt. Ông S đã được Tòa án thông báo về yêu cầu được nuôi con chung của bà Đ nhưng không có ý kiến gì nên yêu cầu tiếp tục được nuôi con chung của bà Đ sau khi ly hôn là có cơ sở chấp nhận. Vì vậy căn cứ vào Điều 58, Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Đ được tiếp tục nuôi dưỡng người con chung tên Tống Nhã Anh T, sinh ngày 18/11/2019 để ổn định môi trường phát triển và học tập. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Đ không yêu cầu ông S phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Đ xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức là có cơ sở và phù hợp pháp luật nên được chấp nhận.

[3] Về án phí: Căn cứ vào Luật phí và lệ phí năm 2015 bà Đ phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ Khoản 2 Điều 21, Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Khoản 2 Điều 269, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 80, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1-/ Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Anh Đ:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Anh Đ được ly hôn ông Tống Hiền S.

Về con chung: Có 01 người con chung tên Tống Nhã Anh T, sinh ngày 18/11/2019.

Giao người con chung tên Tống Nhã Anh T, sinh ngày 18/11/2019 cho bà Nguyễn Thị Anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con bà Đ tự nguyện không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con. Việc cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi khi có lý do chính đáng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2-/ Về án phí: Bà Nguyễn Thị Anh Đ phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm ngàn) đồng bà Đ đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0057598 ngày 14/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức, bà Đ đã nộp đủ án phí.

3-/ Quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên Tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- Tòa án NDTP.HCM;
- VKS NDQ.Thủ Đức;
- Chi cục THADS Q.Thủ Đức;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Các bên đ/sự;
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Ánh Nguyệt**

.